

Phát triển, phân bổ nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội

Phạm Xuân Hoan*

*Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 29 tháng 5 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 9 năm 2015; chấp nhận đăng ngày 18 tháng 12 năm 2015

Tóm tắt: Bài viết phân tích vị trí đặc biệt về pháp lý, sứ mệnh và vai trò của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đối với sự phát triển bền vững và ổn định của Việt Nam; từ đó phân tích nhu cầu đầu tư lớn các nguồn lực tài chính cho ĐHQGHN. Sử dụng các phương pháp phân tích và so sánh, tác giả đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của các nguồn lực tài chính và phương thức phân bổ ngân sách nhà nước (NSNN) hiện tại nhằm đề xuất 7 giải pháp để tiếp tục phát triển các nguồn lực tài chính và 2 vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hơn nữa phương thức phân bổ NSNN.

Từ khóa: Nguồn thu NSNN, nguồn thu sự nghiệp, phân bổ NSNN.

1. Giới thiệu

ĐHQGHN có lịch sử phát triển hơn 100 năm và truyền thống đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và công nghệ. Để xác lập và khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của ĐHQGHN đối với xã hội, ngày 17/11/2013 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 186/2013/NĐ-CP về Đại học Quốc gia (ĐHQG); ngày 23/3/2014 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHQG và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

Nghị định số 186 nêu rõ ĐHQG là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao được Nhà

nước ưu tiên đầu tư phát triển. Một trong các nhiệm vụ quan trọng của ĐHQG được quy định trong Nghị định này là nghiên cứu, cung cấp luận cứ khoa học nhằm góp phần xây dựng các định hướng, chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. ĐHQG được quyền tự chủ cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy. Quy chế tổ chức và hoạt động một lần nữa nhấn mạnh ĐHQG có cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, trong đó tập trung vào lĩnh vực khoa học, công nghệ cao và một số lĩnh vực kinh tế - xã hội mũi nhọn.

Trên cơ sở các văn bản pháp lý nền tảng đó, ĐHQGHN đã ban hành “Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030”, đề ra mục tiêu chiến lược là trở thành đại học

*ĐT.: 84-918763571
Email: pxhoan@vnu.edu.vn

định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực, đạt các tiêu chí cơ bản của đại học nghiên cứu tiên tiến trong khu vực, trong đó có một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến châu Á, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước (Bảng 1).

2. Nhu cầu đầu tư lớn của ĐHQGHN

Nghị định số 186, Quyết định số 26 của Chính phủ và Chiến lược phát triển của ĐHQGHN đều thể hiện rõ ĐHQGHN là một cơ sở giáo dục đại học đặc biệt, cần nguồn lực tài chính đủ lớn mới có thể duy trì và phát triển.

Thứ nhất, ĐHQGHN đào tạo rất đa dạng, với cơ cấu 110 ngành đào tạo bậc đại học, 168

chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 137 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, rất cần nguồn lực tài chính đủ lớn để có thể duy trì được sự đa dạng này, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực cho đất nước.

Thứ hai, phần lớn các chương trình đào tạo của ĐHQGHN, đặc biệt các chương trình của Đại học Khoa học Tự nhiên và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, là đào tạo khoa học cơ bản. Đầu ra từ các chương trình đào tạo này cung cấp nguồn nhân lực quan trọng, thiết yếu cho sự phát triển của đất nước, tuy nhiên lại không hấp dẫn người học nên rất khó tuyển sinh, khó thu học phí cao. Bên cạnh đó, chi phí đào tạo khoa học cơ bản cao hơn nhiều so với đào tạo các ngành khác, do đó cần một nguồn lực tài chính lớn để bổ sung.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu quan trọng về xây dựng đại học định hướng nghiên cứu của ĐHQGHN

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu		
		2010	2015	2020
1.	<i>Số bài báo, báo cáo khoa học/năm</i>			
	- Trong nước	600	980	1.500
	- Quốc tế	150	400	800
	Số bài báo thuộc hệ thống ISI và SCOPUS	120	350	600
2.	<i>Sách chuyên khảo/năm</i>			
	- Tiếng Việt	20	30	60
	- Tiếng nước ngoài	-	5	10
3.	<i>Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tư vấn chính sách/năm</i>			
	- Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích	2	5	8
	- Giải pháp khoa học và công nghệ cấp ĐHQGHN	3	5	8
4.	<i>Sản phẩm khoa học công nghệ được chuyển giao hoặc thương mại hóa</i>	2	4	6
5.	<i>Chương trình hợp tác nghiên cứu với đối tác (cấp ĐHQGHN trở lên)/năm</i>			
	- Trong nước	3	10	15
	- Quốc tế	2	3	8
6.	<i>Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu</i>			
	- Trọng điểm cấp ĐHQGHN trở lên	1	25	30
	- Hợp tác doanh nghiệp	-	3	8
	- Hợp tác quốc tế	-	3	8
	- Nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN	-	30	35
7.	<i>Doanh nghiệp, vườn ươm khoa học công nghệ</i>	-	2	5
8.	<i>Các giải thưởng khoa học quốc gia, quốc tế/năm</i>	3	6	10

Nguồn: Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu quan trọng, định hướng phân khúc đào tạo của ĐHQGHN

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu		
		2010	2015	2020
1. Chất lượng đào tạo				
1.1.	<i>Đào tạo chất lượng cao</i>			
	- Tỷ lệ quy mô đào tạo tài năng, chất lượng cao, tiên tiến và chuẩn quốc tế trên tổng quy mô đào tạo chính quy	10%	15%	17%
	- Tỷ lệ quy mô đào tạo liên kết quốc tế trên tổng quy mô đào tạo chính quy	3%	10%	12%
1.2.	<i>Cơ cấu ngành đào tạo giữa các nhóm lĩnh vực</i>			
	- Khoa học Tự nhiên và Sự sống	26%	25%	23%
	- Khoa học Xã hội - Nhân văn, Kinh tế, Ngoại ngữ, Luật, Giáo dục...	58%	55%	48%
	- Công nghệ - Kỹ thuật, Y dược	8%	10%	15%
	- Liên ngành và thí điểm	8%	10%	14%
1.3.	<i>Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ khoa học</i>			
	- Tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên cao học, nghiên cứu sinh/cán bộ khoa học cơ hữu	16%	15%	14%
	- Tỷ lệ tiến sĩ, tiến sĩ khoa học	38%	50%	60%
	- Tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư	16%	25%	25%
	- Tỷ lệ cán bộ khoa học	58%	60%	62%
1.4.	<i>Kiểm định chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực quốc tế</i>			
	- Tỷ lệ chương trình đào tạo đại học đã được kiểm định	6%	35%	100%
	<i>Trong đó, kiểm định quốc tế</i>	2%	18%	35%
	- Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 01 năm	-	75%	85%
	- Tỷ lệ sinh viên tiếp tục học tập, nghiên cứu hoặc làm việc trong môi trường quốc tế	10%	15%	20%
1.5.	<i>Phát triển năng khiếu và bồi dưỡng nhân tài</i>			
	- Giải thưởng Olympic quốc tế học sinh và sinh viên/năm	8	10	15
	- Giải thưởng nghiên cứu khoa học và Olympic sinh viên cấp ĐHQGHN và tương đương/năm	30	40	50
2. Hội nhập quốc tế				
	- Số lượt sinh viên đi trao đổi/năm	100	180	500
	- Số lượt sinh viên nước ngoài đến học tập/năm	650	850	1.200
	- Số lượt cán bộ đi trao đổi khoa học và giảng dạy ở nước ngoài/năm	150	270	500
	- Số lượt cán bộ khoa học nước ngoài đến trao đổi khoa học và giảng dạy/năm	150	250	400

Nguồn: Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Thứ ba, ĐHQGHN định hướng vào phân khúc đào tạo trình độ cao, chất lượng cao, cung cấp nguồn nhân lực cao cho xã hội, do đó chi phí đào tạo cũng rất cao, cần nguồn lực tài chính lớn. Về đào tạo trình độ cao, ĐHQGHN tập trung đào tạo bậc đại học và sau đại học, trong đó tỷ lệ đào tạo sau đại học chiếm gần

30%; không đào tạo các bậc trung cấp và cao đẳng. Về đào tạo chất lượng cao, ĐHQGHN đang dần xóa bỏ các hệ đào tạo tại chức, không duy trì hệ đào tạo từ xa, hướng tới đào tạo chính quy tập trung 100%. Trên nền đào tạo chính quy, ĐHQGHN duy trì nhiều chương trình đào tạo chất lượng cao, tiên tiến, tài năng, đẳng cấp

quốc tế... mà đầu ra đã được xã hội thừa nhận. Sinh viên tốt nghiệp các hệ đào tạo đặc thù này được hưởng chất lượng đào tạo quốc tế, với giá thành chi phí của Việt Nam, đem lại hiệu quả cao về mặt tài chính cho xã hội (Bảng 2).

Thứ tư, ĐHQGHN tiên phong trong đổi mới giáo dục đại học, đóng góp tích cực cho sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 29 của Trung ương Đảng, ví dụ như việc đổi mới tuyển sinh theo phương thức đánh giá năng lực. Do đó, ĐHQGHN rất cần nguồn lực tài chính lớn, ổn định để có thể thực hiện sứ mệnh tiên phong này.

Cuối cùng, với định hướng phát triển đại học nghiên cứu, ĐHQGHN đã và đang phát triển thành một trong các cơ sở nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam, với số lượng công bố quốc tế đứng thứ 3 cả nước. Nghiên cứu của ĐHQGHN đã góp phần giải quyết nhiều vấn đề trọng yếu quốc gia, hình thành và chuyển giao nhiều sản phẩm khoa học quan trọng. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu đóng vai trò nền tảng, cốt lõi cho việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần duy trì vị trí xếp hạng 151-

160 của ĐHQGHN trong hệ thống các trường đại học của châu Á.

3. Thực trạng nguồn lực tài chính và phân bổ nguồn lực tài chính của ĐHQGHN

3.1. Thực trạng nguồn lực tài chính

a. Cấp phát từ NSNN

NSNN dành cho ĐHQGHN những năm qua tăng hàng năm, mặc dù tăng không nhiều; hiện đạt mức 700-750 đồng tỷ hàng năm, chiếm gần một nửa tổng nguồn lực tài chính của ĐHQGHN.

Trong kinh phí NSNN cấp phát, quan trọng nhất là kinh phí thường xuyên cho hoạt động giáo dục đào tạo, vì kinh phí này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo. Những năm qua, nguồn kinh phí này đều tăng hàng năm, với một xu hướng rõ ràng. Điều này chứng tỏ Chính phủ và các Bộ, ngành rất quan tâm tới chất lượng giảng dạy của ĐHQGHN và hỗ trợ kinh phí một cách rất thiết thực.

Bảng 3: Cân đối thu chi tài chính giai đoạn 2012-2014 của ĐHQGHN

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Mục	2012	2013	2014
	Tổng cấp phát NSNN	740,483	769,296	747,259
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	172,000	125,000	152,000
2	Giáo dục đào tạo	421,043	451,537	505,069
3	Khoa học công nghệ	93,505	156,063	68,520
4	Bảo vệ môi trường	1,500	1,414	1,200
5	Sự nghiệp kinh tế	50,959	22,972	9,370
6	Chi trợ giá	150	300	300
7	Đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia	1,050	2,010	1,300
8	Khác	276	10,000	9,500

Nguồn: Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHQGHN.

Bảng 4: Nguồn thu sự nghiệp giai đoạn 2012-2014 của ĐHQGHN

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Mục	2012	2013	10/2014	Ước 2014
	Tổng cộng	515,190	567,508	350,917	500,975
1	Lệ phí	14,518	18,413	17,859	17,859
2	Học phí chính quy, vừa học vừa làm, các hệ đào tạo có cấp bằng	216,007	237,654	149,617	251,683
3	Liên kết đào tạo quốc tế	164,929	139,688	66,664	89,642
4	Đào tạo dịch vụ không cấp bằng	40,897	51,169	36,150	46,210
5	Thu dịch vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	34,500	53,970	20,646	29,647
6	Các nguồn thu khác	44,340	66,614	59,981	65,933

Nguồn: Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHQGHN.

Bên cạnh đó, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản chưa thể hiện được một xu hướng rõ nét, với 172 tỷ đồng năm 2012, 125 tỷ đồng năm 2013 và 152 tỷ đồng năm 2014. Điều này phản ánh, việc cấp phát vốn xây dựng cơ bản phụ thuộc nhiều vào khả năng bố trí, cân đối NSNN hơn là nhu cầu đầu tư của ĐHQGHN. Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn, đây là việc làm có thể hiểu được. Tuy nhiên, đối với giáo dục, cần có cái nhìn dài hạn, cắt giảm kinh phí đầu tư chiều sâu không trực tiếp ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng rất ít vào năm bị cắt giảm, nhưng về lâu dài sẽ làm giảm mặt bằng chất lượng đào tạo nói chung; do đó, đề xuất Chính phủ và các Bộ, ngành quan tâm giữ ổn định mức độ đầu tư theo xu hướng tăng dần, phù hợp với phát triển quy mô của ĐHQGHN.

Để tăng sự ủng hộ về mặt NSNN, ĐHQGHN đã có nhiều giải pháp tích cực. Về mặt đào tạo, ĐHQGHN mở mới nhiều loại hình đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo đem lại hiệu quả xã hội cao (ví dụ: đào tạo theo nhiệm vụ chiến lược, đào tạo hướng vào khoa học cơ bản, đào tạo hệ chuyên phổ thông trung học...). Trên cơ sở hiệu quả xã hội thiết thực mà các loại hình đào tạo này mang lại, các Bộ, ngành đã cân đối tăng NSNN để ĐHQGHN thực hiện nhiệm vụ. ĐHQGHN cũng đã chủ động xây

dựng các đề án nghiên cứu, các dự án đầu tư chiều sâu phục vụ cả nghiên cứu và đào tạo; được các Bộ, ngành thừa nhận là có hiệu quả xã hội cao, thông qua việc tăng cấp NSNN cho ĐHQGHN.

b. Nguồn thu sự nghiệp

Mặc dù được ưu tiên đầu tư nhưng NSNN khó khăn, những năm qua ĐHQGHN đã có nhiều giải pháp phát huy các nguồn lực để phát triển. Hiện tại, nguồn thu sự nghiệp đạt 500-600 tỷ đồng mỗi năm, tuy thấp hơn tổng kinh phí Nhà nước cấp phát, nhưng đã cao hơn nguồn kinh phí thường xuyên từ NSNN. Mức độ tự chủ tài chính được cải thiện qua từng năm.

Thứ nhất, ĐHQGHN đã tích cực phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, thu học phí tương ứng; tích cực mở thêm các ngành, chuyên ngành đào tạo mới phù hợp hơn với nhu cầu thị trường; nhờ đó nguồn thu phí, lệ phí tăng tương đối ổn định hàng năm, trở thành nguồn thu sự nghiệp quan trọng nhất của ĐHQGHN.

Thứ hai, giai đoạn vừa qua hoạt động liên kết đào tạo quốc tế của toàn quốc, trong đó có ĐHQGHN có xu hướng giảm, một phần do thị trường dần trở lên cạnh tranh hơn, phần khác do

các cơ quan quản lý nhà nước siết chặt hơn các quy chế, quy định liên quan. Bản thân ĐHQGHN cũng tự quản lý chặt chẽ hơn hoạt động đào tạo này. Tuy nhiên, năm 2014-2015, ĐHQGHN đã chặn được đà giảm sút, mở mới được nhiều chương trình, nhờ đó doanh thu bắt đầu tăng trở lại.

Thứ ba, ĐHQGHN tích cực triển khai các hoạt động thu dịch vụ hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Mặc dù chưa trở thành nguồn thu chính nhưng mỗi năm đã đạt được 40-50 tỷ đồng, góp phần quan trọng gia tăng nguồn lực tài chính cho ĐHQGHN.

Thứ tư, các nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ khác (phi khoa học và công nghệ) cũng tăng nhẹ hàng năm và đạt mức xấp xỉ 70 tỷ đồng năm 2014.

Đặc biệt, ĐHQGHN đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác với địa phương và doanh nghiệp để thu hút thêm nguồn lực; hình thành được 12 đề tài hợp tác khoa học công nghệ với thành phố Hà Nội, 06 đề tài hợp tác với tỉnh Quảng Ninh, 4 đề tài hợp tác với tỉnh Hà Nam, 01 đề tài với Tập đoàn Dầu khí, 04 đề tài hợp tác với BIDV; khởi động mới một số ý tưởng sáng tạo hợp tác với Tập đoàn Viettel. Tổng kinh phí khai thác được từ các đề tài này đạt 38 tỷ đồng, chiếm gần 25% kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ. Các nhà khoa học của ĐHQGHN cũng đã trực tiếp giải quyết đặt hàng, đặc biệt đã có 10 sản phẩm khoa học và công nghệ đã và đang được chuyển giao.

3.2. Phân bổ nguồn lực tài chính tại ĐHQGHN

ĐHQGHN là một “tổ hợp” của 30 đơn vị thành viên và trực thuộc. Mọi nguồn lực tài chính của ĐHQGHN đều thuộc về các đơn vị này, còn cấp ĐHQG chỉ đóng vai trò quản lý và điều phối, không có tài khoản riêng. Đối với nguồn thu sự nghiệp, các đơn vị trực tiếp thu,

quản lý và chi tiêu theo quy định hiện hành của pháp luật. Đối với nguồn vốn NSNN, Nhà nước cấp phát dự toán cho ĐHQGHN, trên cơ sở đó ĐHQGHN phân bổ về cho các đơn vị và các đơn vị trực tiếp quản lý, chi tiêu. Như vậy, hiệu quả chung sử dụng vốn, nhất là vốn NSNN của ĐHQGHN sẽ phụ thuộc tương đối nhiều vào phương thức phân bổ NSNN cho các đơn vị. Nếu phân bổ hợp lý sẽ phát huy được thế mạnh của các đơn vị và của toàn ĐHQGHN; nếu phân bổ không hợp lý, nguồn lực sẽ bị sử dụng kém hiệu quả.

a. Phân bổ NSNN giai đoạn trước năm 2002

Bộ Tài chính theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ phân bổ ngân sách cho ĐHQGHN. NSNN cấp chi thường xuyên cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo được cấp dựa trên cơ sở số chỉ tiêu học sinh có ngân sách được giao cho ĐHQGHN.

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch và dự toán NSNN giao, ĐHQGHN tiến hành phân bổ kinh phí cho các đơn vị trực thuộc dựa trên chỉ tiêu biên chế được Bộ Nội vụ giao, chỉ tiêu học sinh có ngân sách và các nhiệm vụ đặc biệt khác, không phân biệt khả năng tự chủ dựa trên nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị.

Cách phân bổ này đã dẫn đến tình trạng một số đơn vị có số lượng biên chế lớn do lịch sử để lại, thực hiện ít nhiệm vụ nhưng lại được cấp kinh phí lớn và ngược lại. Phương thức phân bổ này không đảm bảo tính hiệu quả và khuyến khích các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

b. Phân bổ NSNN giai đoạn 2002-2006

Ngày 16/1/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2002/NĐ-CP về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, kể từ đó có sự thay đổi trong cơ chế Nhà nước phân bổ kinh phí cho ĐHQGHN cũng như cơ chế ĐHQGHN

phân bổ kinh phí cho các đơn vị thành viên và trực thuộc.

Dự toán kinh phí Bộ Tài chính giao cho ĐHQGHN có sự thay đổi cơ bản so với thời điểm trước khi Nghị định số 10 ra đời. Bộ Tài chính không giao dự toán cho ĐHQGHN dựa trên chỉ tiêu biên chế và chỉ tiêu học sinh có ngân sách (các Bộ, ngành chỉ giao chỉ tiêu tuyển sinh, không giao chỉ tiêu học sinh ngân sách).

Là đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, ĐHQGHN được Chính phủ cấp NSNN chi thường xuyên cho hoạt động giáo dục, đào tạo ổn định theo định kỳ 3 năm và hàng năm được tăng thêm theo tỷ lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Kinh phí thời kỳ ổn định 3 năm được lấy theo mức dự toán của năm 2002 làm gốc.

Dự toán ĐHQGHN phân bổ cho các đơn vị trực thuộc cũng có sự thay đổi cơ bản so với giai đoạn trước năm 2002. ĐHQGHN thực hiện phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho các đơn vị dựa trên kết quả phân loại đơn vị sự nghiệp có thu. Đối với các đơn vị tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên (5 đơn vị), ĐHQGHN không cấp kinh phí chi thường xuyên, chỉ cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ cụ thể được giao theo dự án được phê duyệt. Đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí thường xuyên, ĐHQGHN cấp kinh phí chi thường xuyên và kinh phí thực hiện nhiệm vụ cụ thể được giao theo dự án được phê duyệt.

Trong phân bổ kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị gồm có: quỹ lương theo chỉ tiêu nhân lực và kinh phí chi thường xuyên đào tạo chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Ở đây đã có sự khác biệt so với cách phân bổ cũ. ĐHQGHN phân bổ kinh phí cho các đơn vị trực thuộc theo chỉ tiêu tuyển sinh thay cho chỉ tiêu học sinh có ngân sách trước đây. Đồng thời, ĐHQGHN giao chỉ tiêu nhân lực căn cứ vào nhiệm vụ và

khối lượng công việc do đơn vị đảm nhiệm, thay thế chỉ tiêu biên chế của đơn vị. Cách làm này rất phù hợp với cơ chế quản lý biên chế ở các đơn vị sự nghiệp hiện nay. Việc xác định và cấp ngân sách theo chỉ tiêu nhân lực và khối lượng công việc đảm nhiệm là bước cải tiến đáng kể nhất trong quá trình thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tài chính ở ĐHQGHN, phần nào khắc phục được tình trạng không tương ứng của nhiệm vụ và kinh phí được cấp của các đơn vị theo cách phân bổ trước đây, đồng thời tạo áp lực cho các đơn vị phải sắp xếp và sử dụng lao động có hiệu quả hơn.

c. Giai đoạn 2007-2011

ĐHQGHN thực hiện phân bổ theo trọng số ngành đào tạo. Giai đoạn trước năm 2007, ĐHQGHN thực hiện phân bổ đồng đều giữa tất cả các ngành, đơn vị đào tạo, không có sự phân biệt theo tính chất và đặc thù ngành dẫn đến hiện trạng các đơn vị đào tạo khối ngành khoa học cơ bản có quy mô tuyển sinh thấp, chi phí đào tạo cao.

Từ năm 2007, ĐHQGHN có bước thay đổi căn bản trong phân bổ ngân sách, điều chỉnh nguyên tắc phân bổ kinh phí đào tạo thường xuyên cho đơn vị theo trọng số ngành, đào tạo và được sửa đổi hàng năm. Trong đó, trọng số ngành đào tạo được xác định như sau:

Hệ số ngành:

- Nhóm ngành đào tạo 1: Bao gồm các ngành đào tạo chủ yếu là lên lớp lý thuyết, thuyết trình trên giảng đường, làm bài tập, sinh hoạt seminar..., không có hoặc có rất ít thời lượng thực tập thực tế, điền dã..., nhóm này có hệ số 1,0.

- Nhóm ngành đào tạo 2: Bao gồm các ngành trong chương trình đào tạo có hoạt động thực tập, thực tế, khảo sát thực địa, tham quan dã ngoại, hoạt động ngoài trời, điền dã, thực tập công nghiệp..., cần kinh phí cho việc đi lại, lưu

trú, lấy số liệu, đo đạc, thù lao theo hệ số..., nhóm này có hệ số 2,0.

- Nhóm ngành đào tạo 3: Bao gồm các ngành khoa học thực nghiệm, kỹ thuật và công nghệ có phòng thí nghiệm (cần kinh phí cho tiền điện, có tiêu hao nguyên vật liệu, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm nhỏ, sửa chữa máy móc thiết bị do hỏng hóc, độc hại môi trường) và ngành triết học được ưu tiên đi thực tế, thực tập, ưu tiên giáo trình, tài liệu học tập (theo Quyết định số 494/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin) cần có chi phí tương đương các ngành thực nghiệm..., nhóm này có hệ số 3,0.

Hệ số sinh viên hưởng trọng số của ngành đào tạo:

Căn cứ vào quy mô bình quân của ngành, nhóm ngành để xác định hệ số phân bổ ngân sách cho ngành theo số sinh viên hưởng trọng số. Quy mô sinh viên của ngành quyết định việc tổ chức đào tạo (chia lớp, nhóm) nên ảnh hưởng đến chi phí đào tạo thực tế. Tuy nhiên, chi phí bình quân theo quy mô đã được tính làm cơ sở phân bổ ngân sách ổn định hàng năm, do đó việc tính số sinh viên hưởng hệ số chỉ tính phần khác nhau về chi phí đào tạo do khác biệt về quy mô quyết định.

- Quy mô dưới 80 sinh viên có hệ số 1,0.

- Quy mô trên 80 sinh viên đến 250 có hệ số 1,2.

- Quy mô trên 250 sinh viên có hệ số 1,5.

d. Giai đoạn 2012-2014

Từ năm 2012, ĐHQGHN tiếp tục có những điều chỉnh quan trọng trong phương thức phân bổ ngân sách. ĐHQGHN tiếp tục hoàn thiện phương thức phân bổ ngân sách theo trọng số, đồng thời kết hợp với nguyên tắc phân bổ kinh phí thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ gắn với sản phẩm đầu ra, cụ thể như sau:

Căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm của năm tiếp theo (các nhiệm vụ lớn, quan trọng, được Hội đồng ĐHQGHN thông qua), ĐHQGHN xây dựng các kế hoạch nhiệm vụ (KHNV) cụ thể cho toàn bộ hệ thống, thông báo để từng đơn vị đăng ký. ĐHQGHN sẽ cân đối giữa KHNV đã đề ra với tổng các KHNV các đơn vị đã đăng ký, chốt và giao KHNV cụ thể cho từng đơn vị. KHNV được giao là kế hoạch có tính bắt buộc các đơn vị phải thực hiện.

Trong số các KHNV được giao, với một số chỉ tiêu, các đơn vị sẽ phải thực hiện trên cơ sở nguồn kinh phí NSNN đã cấp thông qua phương thức phân bổ theo trọng số đã được áp dụng trong giai đoạn 2007-2011. Các chỉ tiêu còn lại, ĐHQGHN cấp bổ sung NSNN để đơn vị thực hiện.

NSNN cấp bổ sung được cấp dưới dạng không tự chủ, theo đó nếu đơn vị triển khai thì sẽ được giải ngân từ Kho bạc Nhà nước. Nếu đơn vị không triển khai được nhiệm vụ, ĐHQGHN sẽ tiến hành thu hồi và điều chuyển dự toán của đơn vị, chuyển sang cho đơn vị khác để thực hiện các nhiệm vụ khác mà ĐHQGHN ưu tiên. Trường hợp đơn vị có triển khai nhiệm vụ, đã giải ngân kinh phí từ Kho bạc Nhà nước, nhưng chất lượng công việc chưa đáp ứng được yêu cầu, ĐHQGHN sẽ xem xét kỹ hơn trong việc giao chỉ tiêu KHNV trong các năm tiếp theo.

Cách phân bổ này đem lại hiệu quả rất tốt. Một mặt, đơn vị có kinh phí để triển khai các nhiệm vụ cần thiết. Mặt khác, ĐHQGHN định hướng được việc phân bổ NSNN, hướng vào các lĩnh vực ưu tiên, thông qua việc phân bổ và giao chỉ tiêu KHNV.

4. Kiến nghị

Nhằm phát triển hơn nữa các nguồn lực tài chính, thực hiện tốt sự mệnh và nhiệm vụ,

ĐHQGHN cần tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ.

Thứ nhất, ĐHQGHN cần kiên định với định hướng phát triển đại học nghiên cứu, đào tạo khoa học cơ bản, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, đi đầu trong đổi mới giáo dục đại học.... Trên cơ sở đó, ĐHQGHN sẽ xây dựng cơ chế tài chính đặc thù, xây dựng các đề án thuyết minh hợp lý với Chính phủ để được cấp phát nguồn kinh phí tương ứng.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đào tạo liên kết quốc tế, đào tạo ngắn hạn nguồn nhân lực cấp cao cho các địa phương. Trong hoạt động đào tạo liên kết, hướng tới các đối tác có uy tín, xây dựng các chương trình đào tạo có chất lượng cao, tạo nguồn thu ổn định. Trong đào tạo ngắn hạn nguồn nhân lực cấp cao cho các địa phương, hướng trực tiếp tới các vấn đề nóng, cấp thiết của địa phương.

Thứ ba, khuyến khích và hỗ trợ các nhà khoa học tích cực khai thác các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; quản lý nguồn kinh phí này một cách thống nhất; tạo sức mạnh chung cho toàn ĐHQGHN.

Thứ tư, đẩy mạnh hơn nữa hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước. Triển khai công tác này một cách thống nhất, theo định hướng cấp ĐHQGHN tập trung tìm kiếm và phát triển đối tác, các đơn vị triển khai các cam kết. Hợp tác với các đối tác theo hướng tiếp cận đôi bên cùng có lợi, lâu dài, thay vì đơn thuần xin hỗ trợ, tài trợ.

Thứ năm, xây dựng một số doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trung tâm dịch vụ để tạo nguồn thu sự nghiệp.

Thứ sáu, phát triển và sử dụng có hiệu quả Quỹ Phát triển ĐHQGHN, Quỹ Khoa học Công nghệ, Quỹ Học bổng và các quỹ khác. Đẩy mạnh vận động tài trợ từ các nhà tài trợ, trong đó có Hội Cựu sinh viên ĐHQGHN.

Thứ bảy, ĐHQGHN kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành tăng kinh phí đầu tư hàng năm lên ít nhất 20%, có cơ chế sử dụng để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học công nghệ và thực hiện Đề án xây dựng và phát triển ĐHQGHN đạt chuẩn quốc tế; cấp kinh phí thực hiện Dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc theo tiến độ xây dựng, đồng thời áp dụng phương thức huy động các nguồn vốn xã hội hóa để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án (phương thức PPP, BOT, BT...); hỗ trợ kinh phí để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội khu nhà ở cán bộ, giảng viên ĐHQGHN tại Hòa Lạc.

Phương thức ĐHQGHN phân bổ NSNN cho các đơn vị ngày càng được hoàn thiện, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục đổi mới để đáp ứng nhu cầu phát triển trong những năm tới. *Thứ nhất*, cần tiếp tục nghiên cứu tỷ lệ NSNN được phân bổ thông qua trọng số và tỷ lệ NSNN được phân bổ thông qua KHNV sao cho tối ưu hơn nữa. Tỷ lệ này cần giải quyết được bài toán, các đơn vị đủ nguồn kinh phí tối thiểu để hoạt động nhưng chỉ có thể phát triển tốt, thu nhập cao, nhận được nhiều NSNN nếu thực hiện được nhiều KHNV quan trọng. *Thứ hai*, cần hoàn thiện hơn nữa bộ chỉ tiêu KHNV, sao cho KHNV ngày càng phản ánh sát hơn, tốt hơn những việc ĐHQGHN thực sự cần triển khai để phát triển mạnh và bền vững. Đây là các chủ đề rất phức tạp, nhưng thiết thực, tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ, Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 về Đại học Quốc gia, 2013.
- [2] Chính phủ, Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 23/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của

- ĐHQG và các cơ sở giáo dục đại học thành viên, 2014.
- [3] Đại học Quốc gia Hà Nội, Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn 2030, 2014.
- [4] Quyết định số 494/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt đề án một số biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các Trường đại học, cao đẳng, môn Chính trị trọng các trường Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, 2002.
- [5] Phạm Xuân Hoan, Báo cáo nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu đổi mới cơ chế tài chính tại Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2016-2020”, đề tài khoa học cấp ĐHQGHN, mã số QGTD.13.28, 2015.
- [6] Phạm Xuân Hoan, “Đổi mới cơ chế tài chính tại Đại học Quốc gia Hà Nội, trong định hướng chung đổi mới cơ chế tài chính giáo dục đại học công lập của Việt Nam”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
- [7] Các báo cáo chuyên môn, tổng kết của Đại học Quốc gia Hà Nội và các Ban chức năng của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Developing and Allocating Financial Resources to Meet Demands for Further Development of Vietnam National University, Hanoi

Phạm Xuân Hoan

VNU, 144 Xuân Thủy Str., Cầu Giấy Dist., Hanoi, Vietnam

Abstract: This paper analyzes the special legal status, mission and role of the Vietnam National University, Hanoi in the sustainable and stable development of Vietnam. From this analysis, the paper studies the demand for large financial investments for the Vietnam National University, Hanoi. Based on the method of analyzing and comparison, the paper studies the strong and weak points of the current financial sources of Vietnam National University, Hanoi, and the way how state budgets are allocated to Vietnam National University, Hanoi’s members - from which the paper proposes seven recommendations to further develop financial sources for the Vietnam National University, Hanoi and two matters that need to be solved regarding the way of allocating state budgets to members of the Vietnam National University, Hanoi.

Keywords: State budget revenues, business revenues, state budget allocation.